TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-PT
Ngày: 28/01/2022
V/v: Kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính; Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc -Thư ký TAND tỉnh BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021; ngày 07 tháng 01 và ngày 28/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 07/2021/TLPT- DS ngày 06/10/2021 về "Tranh chấp kiện đòi tài sản". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2021/DS-ST ngày 16/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện YP, tỉnh BN bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2021/QĐ-PT ngày 09/11/2021 giữa các đương sự:

- <u>*Nguyên đơn*</u>: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1974 (có mặt)
Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Nguyễn Thị Đ: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1974 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Quan Đ, xã Văn M, huyện YP, tỉnh BN.

- <u>*Bị đơn*</u>: Bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1967 (vắng mặt)
Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Quan Đ, xã Văn M, huyện YP, tỉnh BN.

- <u>*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:</u> Chi cục Thi hành án dân sự huyện YP; Địa chỉ: Thị trấn C, huyện YP, tỉnh BN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đăng Đ - Chi cục trưởng (vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ: Khu đô thị mới, Thị trấn C, huyện YP, tỉnh BN.

Người có kháng cáo: Ông Nguyễn Văn K, Bà Nguyễn Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau: *Nguyên đơn là Ông Nguyễn Văn K, Bà Nguyễn Thị Đ trình bày*: Vợ chồng ông và vợ chồng Ông Nguyễn Văn B, Bà Nguyễn Thị Thúy A là hàng xóm. Năm 2008, Ông K có vay của vợ chồng ông Bằng, Bà A nhiều lần với tổng số tiền là 850.000.000đ. Do làm ăn khó khăn nên vợ chồng ông không trả được nợ cho ông Bằng, Bà A. Đến năm 2012, vợ chồng ông Bằng, Bà A đã khởi kiện vợ chồng ông ra Tòa án nhân dân huyện YP. Tại bản án số: 05/2013/DSST, ngày 03/4/2013 của TAND huyện YP đã xét xử: *Buộc vợ chồng Ông K, Bà Đ phải trả cho ông Bằng, bà Thúy Anh số tiền gốc là 795.000.000đ, tiền lãi là 340.850.000. Tổng cộng là 1.135.850.000đ.*

Ngày 21/5/2013, Chi cục Thi hành án dân sự huyện YP ra quyết định thi hành án số 54/QĐTĐYC-CCTHA về việc thi hành án theo đơn yêu cầu. Chấp hành viên Chi cục THADS huyện YP đã vận động cho hai bên tự nguyện thi hành án thời hạn là 30 ngày. Khoảng 08 giờ 20 phút tối ngày 23/6/2013, vợ chồng Ông K đã mang số tiền 1.130.000.000đ đến nhà mẹ đẻ của Bà A để trả nợ trước sự chứng kiến của vài người, ông Bằng và Bà A đã giảm bớt số tiền 5.850.000đ cho vợ chồng Ông K và sau đó 2 bên đã viết và kí "giấy biên nhận thanh toán" đề ngày 23/6/2013 để khẳng định 2 bên không còn nợ gì nhau nữa. Bên cạnh đó còn có ông Mạnh và ông Phúc ký là người làm chứng.

Ngày 26/6/2013, Chấp hành viên Nguyễn Công Diễn đến nhà Ông K thu tiền án phí và yêu cầu ông cho xem "giấy biên nhận thanh toán nợ" viết tay. Sau khi xem, ông Diễn tư vấn là viết thêm đã thi hành xong bản án số: 05/2013/DSST, ngày 03/4/2013 của TAND huyện YP và tiền lãi chậm thi hành án. Ông K có đánh máy theo nội dung trên, vợ chồng ông và vợ chồng Bà A cùng ký và ông Mạnh và ông Phúc cũng ký là người làm chứng. Ngày 26/6/2013, Bà A làm đơn xin rút đơn yêu cầu thi hành án gửi Chi cục THADS và Viện kiểm sát nhân dân huyện YP.

Tháng 3/2014, Ông K nhận được Quyết định kê biên tài sản số: 08 ngày 03/3/2014 của Chi cục THADS huyện YP kê biên tài sản của vợ chồng ông là quyền sử dụng đất thửa số 559, tờ bản đồ 17, diện tích 75m^2 và tài sản trên đất tại Thôn Quan Đ, xã Văn M, huyện YP để trả nợ cho người thứ 3 là ông Nho và ông Dậu theo bản án số 03 và 04 cùng ngày 03/4/2013 của TAND huyện YP mà vợ chồng ông không liên quan. Vợ chồng Ông K đã gửi đơn khiếu nại Quyết định kê biên tài sản số: 08, ngày 03/3/2014 của Chi cục THAND huyện YP. Ngày 04/7/2019 Chi cục THADS huyện YP đã có quyết định số 62/QĐ-CCTHADS về việc thu hồi quyết định kê biên số 08. Sau đó vợ chồng Ông K lại nhận được Quyết định số: 12/QĐ-CCTHADS, ngày 05/72019 về việc cưỡng chế, kê biên tài sản của

vợ chồng là quyền sử dụng đất thửa số 559, tờ bản đồ 17, diện tích 75m^2 và tài sản trên đất tại Thôn Quan Đ, xã Văn M, huyện YP.

Vợ chồng anh tiếp tục khiếu nại đến Chi cục THADS huyện YP, VKSND huyện YP, Cục Thi hành án tỉnh BN, VKSND tỉnh BN. Ngày 20/8/2019, Chi cục THADS huyện YP đã có Quyết định số 02/QĐ-CCTHA không chấp nhận khiếu nại của vợ chồng Ông K, giữ nguyên quyết định cưỡng chế kê biên số 12. Ngày 24/10/2019, Cục thi hành án dân sự tỉnh BN có Quyết định số: 01/QĐGQKN-CTHADS không chấp nhận khiếu nại của vợ chồng ông, giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại số 02 của Chi cục THADS huyện YP. Ngày 31/12/2019, Chi cục THADS huyện YP đã có Quyết định số: 01/QĐ-CCTHA không chấp nhận khiếu nại của vợ chồng ông, giữ nguyên thông báo số 253 về việc cưỡng chế thi hành án.

Ông K, Bà Đ xác định đã trả cho vợ chồng ông Bằng, Bà A số tiền là 1.135.850.000đ là toàn bộ số tiền còn nợ ông Bằng, Bà A nhưng vợ chồng Bà A chỉ thừa nhận là vợ chồng Ông K mới trả được số tiền 367.000.000đ. Nay vợ chồng ông yêu cầu vợ chồng Bà A phải trả cho vợ chồng anh số tiền 768.850.000đ và lãi suất là 0,6%/tháng, kể từ ngày 23/06/2013 đến nay là 77 tháng là 355.208.700đ.

Phía bị đơn là ông Bằng, Bà A trình bày: Tòa án đã tiến hành triệu tập và thông báo cho ông Bằng, Bà A đến Tòa án làm việc nhiều lần nhưng ông Bằng, Bà A đều vắng mặt không lý do.

Tòa án đã về địa phương nơi ông Bằng, Bà A sinh sống để lấy lời khai nhưng cả 2 ông bà đều không hợp tác, không làm việc, không khai, không ký biên bản. Bà A có gửi cho Tòa án 01 văn bản có nội dung:

Tại bản án số: 03, ngày 03/4/2013 TAND huyện YP buộc vợ chồng ông Bằng, bà Thúy Anh phải trả cho ông Nguyễn Văn Dậu, bà Nguyễn Thị Ba số tiền 1.378.958.000đ; Tại bản án số: 04, ngày 03/4/2013 TAND huyện YP buộc vợ chồng ông Bằng, bà Thúy Anh phải trả cho ông Mẫn Văn Nho, bà Nguyễn Thi Phúc số tiền 539.588.000đ; Tại bản án số: 06, ngày 03/4/2013 TAND huyện YP buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn Khá, chị Nguyễn Thị Hạnh phải trả cho ông Bằng, bà Thúy Anh số tiền 1.577.500.000đ; Tại bản án số: 05, ngày 03/4/2013 TAND huyện YP buộc vợ chồng Ông Nguyễn Văn K, Bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho ông bà số tiền 1.135.850.000đ.

Ngày 23/6/2013 vợ chồng ông bà và vợ chồng Ông K, Bà Đ có giấy biên nhận nội dung: "*đã thanh toán hết số nợ cho vợ chồng anh Bằng, chị Thúy Anh, hai bên không còn nợ gì nhau nữa*", có anh Nguyễn Viết Mạnh và ông Nguyễn Văn Phúc ký làm chứng. Nhưng thực tế vợ chồng Ông K, Bà Đ chỉ trả cho vợ chồng ông bà ít

gỗ trị giá tương đương 376.000.000đ, không trả thêm đồng tiền mặt nào. Ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chi cục Thi hành án dân sự huyện YP do Ông Lê Đăng Đ trình bày: Chi cục THADS huyện YP đang thi hành các bản án, quyết định gồm:

Ngày 21/5/2013 Chi cục THADS huyện YP đã ra Quyết định thi hành án số: 52/QĐ-THA thi hành bản án số: 04/2013/DSST, ngày 03/4/2013 của TAND huyện YP. Người phải thi hành án là Ông Nguyễn Văn B, Bà Nguyễn Thị Thúy A phải có nghĩa vụ trả cho ông Mẫn Văn Nho và bà Nguyễn Thị Phúc số tiền 539.588.000đ và lãi suất chậm thi hành án.

Ngày 21/5/2013 Chi cục THADS huyện YP đã ra Quyết định thi hành án số: 53/QĐ-THA thi hành bản án số: 03/2013/DSST, ngày 03/4/2013 của TAND huyện YP. Người phải thi hành án là Ông Nguyễn Văn B, Bà Nguyễn Thị Thúy A phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Dậu và bà Nguyễn Thị Ba số tiền 1.379.958đ và lãi suất chậm thi hành án.

Ngày 21/5/2013, Chi cục THADS huyện YP đã ra Quyết định thi hành án số: 54/QĐ-THA thi hành bản án số: 05/2013/DSST ngày 03/4/2013 của TAND huyện YP. Người phải thi hành án là Ông Nguyễn Văn K, Bà Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho Ông Nguyễn Văn B, Bà Nguyễn Thị Thúy A số tiền 1.135.850.000đ và lãi suất chậm thi hành án.

Chấp hành viên đã thực hiện các trình tự, thủ tục về việc Thi hành án theo quy định của pháp luật. Đã thực hiện việc xác minh tài sản thì được biết ông Bằng, bà Thúy Anh không có tài sản để thi hành án. Nhưng ông Bằng, bà Thúy Anh là người được thi hành án do Ông K, Bà Đ trả. Ông K, Bà Đ là người có điều kiện thi hành án, có tài sản là ngôi nhà 02 tầng trên thửa đất số 559, tờ bản đồ 17, diện tích 75m^2 tại khu phố Mới, thôn Quan Độ, xã Văn Môn, huyện YP.

Ngày 14/6/2013, Chi cục THADS huyện YP đã đôn đốc Ông K, Bà Đ thi hành án trả cho ông Bằng, bà Thúy Anh và yêu cầu trả tiền tại Chi cục THADS huyện YP. Các bên không được thanh toán trực tiếp với nhau, nếu thanh toán phải có chứng kiến của Chi cục THADS huyện YP, đồng thời giải thích cho Ông K, Bà Đ biết ông Bằng, bà Thúy Anh đang phải thi hành các bản án khác. Ông K, Bà Đ đồng ý, nếu cố tình thanh toán cho ông Bằng, bà Thúy Anh thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết nếu không trả tiền thì Chi cục THADS huyện YP sẽ áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản là nhà, đất.

Ngày 26/6/2013, ông Bằng, bà Thúy Anh đến Chi cục THADS huyện YP trình bày ông Bằng, bà Thúy Anh và Ông K, Bà Đ đã tự nguyện, thỏa thuận thanh toán xong số tiền nợ là 1.135.850.000đ và lãi suất chậm thi hành án và xuất trình

giấy thanh toán nợ lập ngày 23/6/2013 có chữ ký của các bên, người làm chứng và đơn xin rút yêu cầu thi hành án lập ngày 24/6/2013.

Do ông Bằng, bà Thúy Anh không có tài sản để thi hành án và bản án số: 05/2013/DSST ngày 03/4/2013 của TAND huyện YP đã thi hành nhưng ông Bằng, bà Thúy Anh không được nhận tiền. Do vậy, Chi cục THADS huyện YP đã ra quyết định trả lại đơn yêu cầu thi hành án cho ông Nho và ông Dậu.

Không đồng ý với quyết định trả lại đơn số 03 và 04 ngày 15/7/2013 của Chi cục THADS huyện YP.

Ngày 05/7/2019 Chấp hành viên đã tiếp tục ra Quyết định cưỡng chế số 12 về kê biên, xử lý tài sản của vợ chồng Ông K, Bà Đ. Do Ông K, Bà Đ có đơn khiếu nại Quyết định cưỡng chế số 12 về việc kê biên, xử lý tài sản. Chi cục THADS huyện YP, cục THADS tỉnh BN đã ra quyết định giải quyết khiếu nại, không chấp nhận đơn khiếu nại của vợ chồng Ông K.

Quá trình tổ chức thi hành án, Chấp hành viên Chi cục THADS huyện YP đã thực hiện đầy đủ các bước theo trình tự, thủ tục về thi hành án. Đề nghị TAND huyện YP giải quyết theo pháp luật.

Từ những nội dung trên bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 235, 264, 266, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận đơn khởi kiện của Ông Nguyễn Văn K, Bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu Ông Nguyễn Văn B, Bà Nguyễn Thị Thúy A phải trả số tiền gốc là 768.850.000đ và lãi là 355.208.700đ.

Ngoài ra ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 29/7/2021 nguyên đơn là Ông Nguyễn Văn K, Bà Nguyễn Thị Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn trình bày, tranh luận giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến gì; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chi cục Thi hành án dân sự huyện YP do Ông Lê Đăng Đ trình bày, tranh luận giữ nguyên ý kiến của mình, đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm xử. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Bản án sơ thẩm có nhiều sai phạm, đó là xác định quan hệ không đúng; nhận định quan hệ tranh chấp và viện dẫn pháp luật liên quan đến quan hệ thi hành án là không đúng; Bà Anh, ông Bằng xác định là chữ ký trong biên nhận thanh toán nợ là của vợ

chồng Bà A, biên bản lập có người làm chứng nên việc bản án sơ thẩm không xem xét nội dung giấy biên nhận nợ trong quan hệ kiện đòi tài sản của nguyên đơn là không đúng. Có căn cứ về việc ông Bằng, chị Anh có nhận tiền của anh Khối, chị Đoàn là đúng, việc bản án bác yêu cầu của nguyên đơn là không phù hợp; Bản án kiện đòi tiền nhưng áp dụng án phí có giá ngạch là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Ông Nguyễn Văn K, Bà Nguyễn Thị Đ nộp trong hạn luật định, đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nên được xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo của Ông Nguyễn Văn K, Bà Nguyễn Thị Đ.

2.1. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền là 768.850.000 đồng.

Thứ nhất, Tại quyết định của bản án số 05/2013/DSST ngày 03/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện YP đã xét xử buộc vợ chồng Ông K, Bà Đ phải trả cho vợ chồng anh Bằng, chị Thúy Anh số tiền gốc 795.000.000 đồng và tiền lãi là 340.850.000đ, tổng cả gốc và lãi là 1.135.850.000đ. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, theo đơn yêu cầu thi hành án của ông Bằng, bà Thúy Anh. Ngày 21/5/2013 Chi cục THADS huyện YP đã ra Quyết định thi hành án số 54/QĐ-THA thi hành bản án số 05/2013/DSST ngày 03/4/2013 của TAND huyện YP. Ngày 23/6/2012 giữa Ông K, Bà Đ với ông Bằng, bà Thúy Anh có lập một "Giấy biên nhận thanh toán nợ" với nội dung: "Nay 2 bên không còn nợ nần gì nhau nữa và đã thanh toán xong bản án số 05/2013/DSST ngày 03/4/2013 của TAND huyện YP, Quyết định thi hành án số 54 ngày 21/5/2013". Biên bản được viết tay và đánh máy đều có chữ ký xác nhận của Bà Nguyễn Thị Thúy A, Ông Nguyễn Văn B, Ông Nguyễn Văn K, Bà Nguyễn Thị Đ và những người làm chứng là ông Nguyễn Văn Phúc, ông Nguyễn Viết Mạnh.

Theo phía bà Nguyễn Thị Thúy A, ông Nguyễn Văn B gửi văn bản tại Tòa án thì ông bà cho rằng vợ chồng Ông K, Bà Đ chỉ trả cho vợ chồng ông bà ít gỗ trị giá

tương đương 376.000.000 đồng, không trả thêm đồng tiền mặt nào. Theo biên bản giải quyết thi hành án ngày 26/6/2013 và 30/7/2013 giữa Chấp hành viên với bà Nguyễn Thị Thúy A, ông Nguyễn Văn B thì ông Bằng, bà Thúy Anh khẳng định giữa hai bên không còn nợ gì nhau, số tiền mà vợ chồng ông Khối, bà Đoàn trả ông Bằng, bà Thúy Anh không được nhận trực tiếp mà thanh toán cho những người chủ nợ của vợ chồng ông Bằng, bà Thúy Anh 367.000.000 đồng, phần còn lại thì chuyển nợ cho ông Thành. Tuy nhiên, tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai của người làm chứng là ông Mẫn Văn Thành ngày 25/12/2020 thì ông Thành trình bày: Ông Thành có quan hệ họ hàng con cô con cậu ruột với vợ chồng ông Bằng, bà Thúy Anh. Giữa ông Thành và vợ chồng bà Thúy Anh có quan hệ vay nợ với nhau, đến nay vẫn chưa được thanh toán. Đối với việc thi hành án, trả nợ giữa vợ chồng ông Khối, bà Đoàn và bà Thúy Anh, ông Bằng thì ông Thành không biết, cũng không có việc chuyển nợ của vợ chồng bà Thúy Anh từ vợ chồng ông Khối, bà Đoàn sang cho ông. Như vậy, căn cứ vào lời khai của ông Thành thì không có việc chuyển nợ giữa ông Thành với vợ chồng ông Bằng, bà Thúy Anh và vợ chồng ông Khối, bà Đoàn. Do ông Bằng, bà Thúy Anh không đến Tòa án để làm việc, không khai, không ký biên bản, không hợp tác và không đưa ra các tài liệu chứng cứ liên quan chứng minh đến việc thanh toán của vợ chồng ông Khối, bà Đoàn. Ngày 07/01/2022, Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để lấy lời khai của ông Bằng, bà Thúy Anh về việc ông Khối, bà Đoàn đã thanh toán được bao nhiêu tiền mặt, chuyển nợ bao nhiêu tiền và chuyển nợ cho ai. Tuy nhiên, khi Tòa án phối hợp với công an xã Văn Môn, huyện YP làm việc với bà Thúy Anh tại trụ sở công an xã Văn Môn thì bà Thúy Anh cho rằng giấy biên nhận thanh toán nợ lập ngày 23/6/2013 đã bị hủy vì lý do trái pháp luật, ông Khối và bà Đoàn chỉ mới thanh toán một số đồ gỗ trị giá 300-400 triệu đồng và gán nợ cho ông Thành. Các nội dung khác bà Thúy Anh không trả lời, không hợp tác trình bày trong mỗi câu hỏi của Thẩm phán bà Thúy Anh đều xin phép ra ngoài gọi điện thoại; chốt biên bản bà Thúy Anh được đọc lại nhưng không ký vào biên bản. Như vậy, ngoài phần tiền 367.000.000 đồng mà bà Thúy Anh thừa nhận ông Khối, bà Đoàn thanh toán thì bà Thúy Anh không chứng minh được phần tiền nợ còn lại là chuyển nợ cho ai, nên cần phải xác định không có bất kỳ khoản chuyển nợ nào của vợ chồng ông Bằng, bà Thúy Anh cho ông Khối, bà Đoàn.

Thứ hai, theo nội dung Công văn số 08/CV-VPĐK ngày 04/6/2013 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện YP thì các biên làm việc và các biên bản xác minh điều kiện thi hành án của ông Khối, bà Đoàn do Chi cục Thi hành án dân sự huyện YP lập vào các ngày 23/5/2013, 25/5/2013, 12/6/2013 và ngày 14/6/2013 thì vợ chồng ông Khối, bà Đoàn tại thời điểm phải thi hành án có tài sản là quyền

sử dụng thửa đất số 559, tờ bản đồ số 17, diện tích 75m^2 tại khu Phố Mới, thôn Quan Độ, xã Văn Môn, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh. Như vậy, tại thời điểm các bên lập "Giấy biên nhận thanh toán nợ" ngày 23/6/2013 thì ông Khối, bà Đoàn có đủ năng lực thi hành án. Trong khi phía ông Bằng, bà Thúy Anh cùng tại thời điểm đó còn phải thi hành hai bản án khác nên việc bà Thúy Anh cho rằng tại thời điểm ngày 23/6/2013 ông Khối, bà Đoàn mới chỉ thanh toán cho bà được 367.000.000 đồng nhưng ông Bằng, bà Thúy Anh vẫn ký giấy biên nhận thanh toán nợ cho ông Khối, bà Đoàn là không phù hợp. Tại buổi làm việc với Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh ngày 17/01/2022 bà Thúy Anh cho rằng giấy biên nhận thanh toán nợ lập ngày 23/6/2013 bị hủy bỏ vì lý do trái pháp luật. Tuy nhiên, kể từ khi lập giấy biên nhận thanh toán nợ ngày 23/6/2013 cho tới phiên tòa phúc thẩm thì giữa ông Bằng, bà Thúy Anh với ông Khối, bà Đoàn cũng không có bất kỳ một văn bản nào về việc xác nhận lại nợ, cũng như thỏa thuận nào xác định việc ông Khối, bà Đoàn chưa trả hết nợ, số nợ đã trả được và chưa trả được là bao nhiêu.

Thứ ba, theo biên bản giải quyết thi hành án ngày 28/3/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YP có sự tham gia của ông Nguyễn Văn Dậu, ông Mẫn Văn Nho và ông Nguyễn Văn Khối thì biên bản có nội dung: Tôi là người phải thi hành án tôi có ý kiến như sau. Hiện nay tôi và gia đình rất khó khăn vì tôi đã thanh toán cho chị Bằng Anh số tiền 430.000.000 đồng đến nay đã hết khả năng do vậy tôi đề nghị các ông Dậu, Nho thông cảm và tạo điều kiện để cho hai bên thỏa thuận tình cảm để tạo điều kiện cho gia đình. Đối với biên bản này nội dung không xác định được là ông Khối thỏa thuận thi hành bản án của ai, của ông Khối hay của em ông Khối là ông Nguyễn Văn Khá; ông Khối có trình bày việc trả cho ông Bằng, bà Thúy Anh 430.000.000 đồng và trình bày là đến nay hết khả năng, thì việc thanh toán của ông Khối là chỉ thanh toán được 430.000.000 đồng hay là đến giai đoạn này tiếp tục thanh toán được 430.000.000 đồng là không xác định được; chưa kể đến xét về mặt số liệu là không phù hợp vì tại cơ quan Thi hành án ông Bằng, bà Thúy Anh xác định là ông Khối, bà Đoàn mới trả được 367.000.000 đồng trong khi tại văn bản này ông Khối trình bày ít nhất là ông bà đã thanh toán được 430.000.000 đồng. Mặt khác, nếu là nghĩa vụ của ông Khối, bà Đoàn đối với ông Bằng, bà Thúy Anh được theo nghĩa vụ của ông Bằng, bà Thúy Anh sang cho ông Dậu, ông Nho thì phải có xác nhận nợ của cả bà Đoàn và ông Khối, việc một mình ông Khối xác nhận nợ là không đảm bảo quyền và lợi ích cho bà Đoàn. Như vậy, văn bản này không phải là chứng cứ có giá trị để chứng minh việc ông Khối, bà Đoàn chưa thanh toán hết nợ cho vợ chồng ông Bằng, bà Thúy Anh.

Thứ tư, xét về nội dung "giấy biên nhận thanh toán nợ" lập ngày 23/6/2013 với nội dung: "Nay 2 bên không còn nợ nần gì nhau nữa và đã thanh toán xong bản

án số 05/2013/DSST ngày 03/4/2013 của TAND huyện YP, Quyết định thi hành án số 54 ngày 21/5/2013". Biên bản được viết tay và đánh máy đều có chữ ký xác nhận của Bà Nguyễn Thị Thúy A, Ông Nguyễn Văn B, Ông Nguyễn Văn K, Bà Nguyễn Thị Đ và những người làm chứng là ông Nguyễn Văn Phúc, ông Nguyễn Viết Mạnh thì thấy, đây là một thỏa thuận dân sự thông thường, nội dung đều thể hiện ý chí của các bên, thời điểm ký kết các bên đều có đủ nhận thức về năng lực pháp luật, việc ký kết có sự chứng kiến của các bên, mục đích xác lập thỏa thuận là xác nhận việc các bên thanh toán xong nợ cho nhau. Xét theo quy định của Luật thi hành án thì việc bản án sơ thẩm nhận định rằng tại biên bản giải quyết thi hành án ngày 14/6/2013 giữa Chấp hành viên và Ông K, Chấp hành viên đã giải thích Ông K không được giao tiền cho vợ chồng ông Bằng, bà Thúy Anh nếu không có mặt của Chấp hành viên, vì vợ chồng ông Bằng, bà Thúy Anh đang phải thi hành bản án khác và Ông K đồng ý, nhưng theo "Giấy biên nhận thanh toán nợ" ngày 23/6/2013 thì chỉ có hai bên ký nhận, không có sự chứng kiến của Chi cục THADS huyện YP là không đúng theo sự cam kết trước đó của Ông K với Chấp hành viên và cho rằng việc thỏa thuận thanh toán nợ giữa Ông K, Bà Đ và anh Bằng, chị Thúy Anh đã vi phạm quy định tại Điều 91 Luật Thi hành án dân sự, khoản 3 Điều 3 Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7/2009 của Chính phủ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người thứ bà là ông Dậu và ông Nho là có căn cứ, vì thỏa thuận của các bên mà không đảm bảo quyền lợi của bên thứ ba thì thỏa thuận đó không có giá trị trong việc bảo đảm thi hành án. Tuy nhiên, xét ở góc độ quan hệ dân sự thì thỏa thuận của các bên theo "Giấy biên nhận thanh toán nợ" ngày 23/6/2013 là văn bản ghi nhận việc các bên thanh toán nghĩa vụ cho nhau, nói cách khác là các bên giao tiền, vật hoặc tài sản có giá tương đương với nghĩa vụ phải thực hiện nên đây là thỏa thuận dân sự hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Việc bản án sơ thẩm chỉ nhận định theo quy định của Luật thi hành án mà không xem xét theo quy định của pháp luật dân sự để ghi nhận việc các bên thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nhau là không phù hợp. Trong vụ án này cần phải xác định việc các bên thanh toán cho nhau mà gây ảnh hưởng cho bên thứ ba thì không có giá trị trong nghĩa vụ thi hành án, nhưng việc thanh toán thực tế phải được ghi nhận tức là phải xác định trong ngày 23/6/2013 ông Khối, bà Đoàn đã thanh toán đủ cho ông Bằng, bà Thúy Anh số tiền 1.135.850.000 đồng là phù hợp.

Thứ năm, ngày 26/6/2013, bà Thúy Anh làm đơn xin rút đơn yêu cầu thi hành án gửi Chi cục THADS và Viện kiểm sát nhân dân huyện YP. Tháng 3/2014, Ông K nhận được Quyết định kê biên tài sản số: 08 ngày 03/3/2014 của Chi cục THADS huyện YP kê biên tài sản của vợ chồng ông là quyền sử dụng đất thửa số 559, tờ bản đồ 17, diện tích 75m2 và tài sản trên đất tại Thôn Quan Đ, xã Văn M,

huyện YP để trả nợ cho người thứ 3 là ông Nho và ông Dậu theo bản án số 03 và 04 cùng ngày 03/4/2013 của TAND huyện YP mà vợ chồng ông không liên quan. Vợ chồng Ông K đã gửi đơn khiếu nại Quyết định kê biên tài sản số: 08, ngày 03/3/2014 của Chi cục THAND huyện YP. Ngày 04/7/2019 Chi cục THADS huyện YP đã có quyết định số 62/QĐ-CCTHADS về việc thu hồi quyết định kê biên số 08. Sau đó vợ chồng Ông K lại nhận được Quyết định số: 12/QĐ-CCTHADS, ngày 05/72019 về việc cưỡng chế, kê biên tài sản của vợ chồng là quyền sử dụng đất thửa số 559, tờ bản đồ 17, diện tích 75m2 và tài sản trên đất tại Thôn Quan Đ, xã Văn M, huyện YP. Vợ chồng ông tiếp tục khiếu nại đến Chi cục THADS huyện YP, VKSND huyện YP, Cục Thi hành án tỉnh BN, VKSND tỉnh BN. Ngày 20/8/2019, Chi cục THADS huyện YP đã có Quyết định số 02/QĐ-CCTHA không chấp nhận khiếu nại của vợ chồng Ông K, giữ nguyên quyết định cưỡng chế kê biên số 12. Ngày 24/10/2019, Cục thi hành án dân sự tỉnh BN có Quyết định số: 01/QĐGQKN-CTHADS không chấp nhận khiếu nại của vợ chồng ông, giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại số 02 của Chi cục THADS huyện YP. Ngày 31/12/2019, Chi cục THADS huyện YP đã có Quyết định số: 01/QĐ-CCTHA không chấp nhận khiếu nại của vợ chồng ông, giữ nguyên thông báo số 253 về việc cưỡng chế thi hành án.

Theo phân tích tại các nội dung trên đã xác định được có việc ông Khối, bà Đoàn thanh toán cho vợ chồng ông Bằng, bà Thúy Anh số tiền 1.135.850.000 đồng. Tuy nhiên việc thanh toán này là vi phạm quy định của Luật thi hành án do đó ông Khối, bà Đoàn không được ghi nhận thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án. Đến nay Chi cục Thi hành án nhân dân huyện YP chỉ xác định ông Khối, bà Đoàn đã thanh toán được số tiền 367.000.000 đồng cho ông Bằng, bà Thúy Anh mà không ghi nhận đối với phần tự nguyện thanh toán 768.850.000 đồng giữa ông Khối, bà Đoàn và ông Bằng, bà Thúy Anh mà tiếp tục kê biên tài sản ông Khối, bà Đoàn là quyền sử dụng thửa đất số 559, tờ bản đồ số 17, diện tích 75m^2 tại khu Phố Mới, thôn Quan Độ, xã Văn Môn, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh để tiếp tục thi hành án đối với nghĩa vụ trả số tiền 768.850.000 đồng còn lại theo bản án 05/2013/DSST, ngày 03/4/2013 của TAND huyện YP. Như vậy, việc ông Khối, bà Đoàn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Bằng, bà Thúy Anh phải trả số tiền 768.850.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Việc bản án dân sự sơ thẩm bác yêu cầu của ông Khối, bà Đoàn kiện đòi ông Bằng, bà Thúy Anh số tiền 768.850.000 đồng là chưa phù hợp với pháp luật.

2.1. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi 355.208.700 đồng.

Do ông Khối, bà Đoàn thanh toán cho ông Bằng, bà Thúy Anh vi phạm quy định về nghĩa vụ thi hành án nên không được chi cục thi hành án dân sự huyện YP

chấp nhận. Đồng thời yêu cầu khởi kiện của ông Khối, bà Đoàn là kiện đòi tài sản nên ông Bằng, bà Thúy Anh chỉ phải trả lại số tiền đã nhận mà không phải chịu lãi suất đối với số tiền đó. Việc ông Khối, bà Đoàn yêu cầu ông Bằng, bà Thúy Anh phải trả lãi suất đối với số tiền đã nhận (theo lãi suất 0,6% kể từ ngày 23/06/2013 đến nay là 77 tháng) là 355.208.700 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Do bản án dân sự sơ thẩm có thiếu sót trong việc đánh giá chứng cứ nên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm chưa phù hợp với pháp luật gây ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của đương sự. Do vậy, kháng cáo ông Nguyễn Văn Khối, bà Nguyễn Thị Đoàn là căn cứ, cần chấp nhận kháng cáo của Ông K, Bà Đ và sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Khối, bà Đoàn.

[3]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Khối, bà Nguyễn Thị Đoàn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu được chấp nhận và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu đòi tiền lãi suất không được chấp nhận. Ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Thúy A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện mà ông Khối, bà Đoàn được chấp nhận.

Ông Nguyễn Văn Khối, bà Nguyễn Thị Đoàn và Ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Thúy A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Văn Khối, bà Nguyễn Thị Đoàn tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 148, 294, 296 khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 163, 164, 166 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu nộp quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2021/DS-ST ngày 16/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện YP, tỉnh BN.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn K, Bà Nguyễn Thị Đ. Buộc Ông Nguyễn Văn B, Bà Nguyễn Thị Thúy A phải trả cho Ông Nguyễn Văn K, Bà Nguyễn Thị Đ số tiền 768.850.000 đồng (bảy trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn K, Bà Nguyễn Thị Đ về việc buộc Ông Nguyễn Văn B, Bà Nguyễn Thị Thúy A phải trả số tiền lãi suất là 355.208.700 đồng (ba trăm năm mươi năm triệu, hai trăm linh tám nghìn, bảy trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Thúy A phải chịu 34.754.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn K, Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 17.760.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ 22.860.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 001464 ngày 18/5/2020 và 600.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo các biên lai thu số 0001223 và số 0001222 cùng ngày 29/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện YP. Ông Nguyễn Văn K, Bà Nguyễn Thị Đ được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 4.500.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn K, Bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Thúy A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh BN;
- TAND huyện YP;
- Chi cục THADS huyện YP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Bình